

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-ĐHTL ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			30								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Luật	2	2							
2	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3	3							
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2		2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2				2				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
I.2	Kỹ năng	Skills			3								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3						
I.3	Khoa học tự nhiên	Natural Science			5								
8	Toán cho các nhà kinh tế	Mathematics for Economists	MAEC112	Toán học	3	3							
9	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistic	MATH253	Toán học	2			2					
I.4	Tin học	Informatics			3								
10	Kỹ năng số và Khai thác AI	Digital Skills and AI Utilization	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	3							
I.5	Ngoại ngữ	Foreign Language			6								
11	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3					
12	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.6	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.7	Giáo dục thể chất	Physical Education			3*	1*	1*	1*					
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			100								
II.1	Kiến thức cơ sở	Foundation Knowledge			38								
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundational Subjects of the field			16								
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	Principles of Microeconomics	ECON102	Kinh tế	3	3							
14	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Principles of Macroeconomics	ECON103	Kinh tế	3		3						
15	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2			2					
16	Tài chính - Tiền tệ	Basics of Money and Finance	ACC101	Tài chính	2	2							
17	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3		3						
18	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BACU102	Quản trị kinh doanh	3		3						
2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			22								
19	Luật thương mại	Commercial Law	ELAW204	Luật	2			2					
20	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	BACU203	Quản trị kinh doanh	3			3					
21	Business and Technology 1 (ACCA)	Business and Technology 1 (ACCA)	ACCA111	Kế toán	3			3					
22	Business and Technology 2 (ACCA)	Business and Technology 2 (ACCA)	ACCA112	Kế toán	3				3				
23	Kế toán Việt Nam 1	Vietnamese Accounting 1	ACCA101	Kế toán	3			3					
24	Kế toán Việt Nam 2	Vietnamese Accounting 2	ACCA102	Kế toán	3				3				
25	Đạo đức nghề nghiệp kế toán	Accounting Ethics	ACC105	Kế toán	2				2				
26	Kiểm toán căn bản	Principles of Auditing	ACC303	Kiểm toán	3					3			
II.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	Core Units			62								
1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			35								
27	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán 1	English for Accounting 1	ACC713	Kế toán	3				3				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
28	Management Accounting 1 (ACCA)	Management Accounting 1 (ACCA)	ACCA211	Kế toán	3					3			
29	Management Accounting 2 (ACCA)	Management Accounting 2 (ACCA)	ACCA212	Kế toán	3						3		
30	Financial Accounting 1 (ACCA)	Financial Accounting 1 (ACCA)	ACCA213	Kế toán	3					3			
31	Financial Accounting 2 (ACCA)	Financial Accounting 2 (ACCA)	ACCA214	Kế toán	3						3		
32	Kế toán thuế	Tax Accounting	ACC302	Kế toán	3					3			
33	Kiểm soát nội bộ	Internal Controls	ACC414	Kiểm toán	2						2		
34	Tổ chức kế toán	Design of Accounting System	ACC406	Kế toán	3							3	
35	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information	ACC409	Kế toán	3							3	
36	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	ACC407	Kế toán	3							3	
37	Chuyên đề thực tập Kế toán tài chính	Internship Programme - Financial Accounting	ACCA401	Kế toán	3						3		
38	Chuyên đề thực tập Kế toán quản trị	Internship Programme - Management Accounting	ACCA402	Kế toán	3							3	
2	Các học phần tự chọn	Selective Units			17		2			5	5	5	
39	<i>Phát triển kỹ năng quản trị</i>	<i>Developing Management Skills</i>	<i>DMS422</i>	<i>Phát triển kỹ năng</i>	<i>2</i>		<i>2</i>						
40	<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>	<i>Corporate Culture</i>	<i>BAEU305</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>		<i>2</i>						
41	<i>Soạn thảo văn bản kinh doanh</i>	<i>Writing Skills in Business</i>	<i>ACC104</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>		<i>2</i>						
42	<i>Định mức - Đơn giá - Dự toán</i>	<i>Norm-Price-Cost Estimate</i>	<i>PCE316</i>	<i>Kinh tế xây dựng</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
43	<i>Thị trường chứng khoán</i>	<i>Securities Market</i>	<i>ACC418</i>	<i>Tài chính</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
44	<i>Tài chính doanh nghiệp</i>	<i>Corporate Finance</i>	<i>ACC427</i>	<i>Tài chính</i>	<i>3</i>					<i>3</i>			
45	<i>Kiểm toán tài chính</i>	<i>Financial Audit</i>	<i>FIAU216</i>	<i>Kiểm toán</i>	<i>3</i>					<i>3</i>			
46	<i>Kế toán bền vững</i>	<i>Sustainability Accounting</i>	<i>ACCA201</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>					<i>3</i>			

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
47	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế, kinh doanh	Application of Artificial Intelligence in Economics and Business	AIEB325	Kinh tế và Kinh doanh số	3					3			
48	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	Accounting for Construction Enterprise	ACC415	Kế toán	2						2		
49	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán 2	English for Accounting 2	ACCA202	Kế toán	2						2		
50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thuế	Applications of Technology in Taxation	ACCA203	Kế toán	3						3		
51	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Financial Management	ACC103	Tài chính	3						3		
52	Kế toán trong doanh nghiệp đặc thù	Accounting for Specialized Enterprises	ACCA204	Kế toán	3						3		
53	Hợp nhất báo cáo tài chính	Consolidation of Financial Statements	ACC425	Kế toán	2							2	
54	Khởi nghiệp	Business Startup	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2							2	
55	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	Applications of Technology in Accounting	ACC411	Kế toán	3							3	
56	Phân tích dữ liệu trong kế toán	Data Analytics for Accounting	ACC436	Kế toán	3							3	
57	Kiểm toán nội bộ	Internal Audit	ACC420	Kiểm toán	3							3	
3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
3.1	Thực tập tốt nghiệp	Graduate Internship	ACCA403	Kế toán	3								3
3.2	Học phần tốt nghiệp	Graduate Thesis	ACCA404	Kế toán	7								7
	Tổng cộng (I + II)				130	16	16	18	16	19	18	17	10